

Số: 07/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Danh mục bổ sung công trình, dự án thực hiện năm 2023
phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết
thông qua Danh mục bổ sung công trình, dự án thực hiện năm 2023 phải thu hồi
đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Công văn số 4791/UBND-KT ngày 07 tháng
7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 41/BC-HĐND ngày
29 tháng 6 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục bổ sung công trình, dự án thực hiện năm 2023 phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:

Tổng số công trình, dự án phải thu hồi đất là 45 công trình, dự án với tổng diện tích đất thu hồi là 189,19 ha; trong đó:

- Đất trồng lúa: 59,05 ha.
- Đất rừng phòng hộ: 2,71 ha.

- Các loại đất khác: 127,43 ha.

(Đính kèm Danh mục)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP.Quốc hội, VP.Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TN&MT, KH&ĐT;
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB MTTQVN tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH & HĐND;
- UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình

DANH MỤC BỔ SUNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2023 PHẢI THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
A. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH, TW PHÂN BỐ			44,54	1,83	0,96	41,75	2.940,08		
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 02 công trình, dự án)			7,77			7,77	2.000,00		
1	Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền)	Phường 9, xã Tân Mỹ Chánh	2,67			2,67	Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh		
2	Đường giao thông hai bên bờ sông Bảo Định	Các phường, xã: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 10, Đạo Thạnh, Mỹ Phong	5,10			5,10	2.000,00 Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	Bổ sung thêm phường 4 và điều chỉnh diện tích từ 13,84 ha thành 5,10 ha so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	
II. Thị xã Cai Lậy (Có 01 công trình, dự án)			0,05			0,05	1,00		
1	Trường TH và THCS Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	0,05			0,05	1,00 Ngân sách tỉnh, thị xã chi GPMB		
III. Huyện Tân Phước (Có 01 công trình, dự án)			0,10			0,10	13,90		
1	Trạm cấp nước sinh hoạt 04 xã: Hưng Thạnh, Tân Hòa Đông, Thạnh Mỹ và thị trấn Mỹ Phước	Xã Hưng Thạnh	0,10			0,10	13,90 Ngân sách tỉnh		
IV. Huyện Cái Bè (Có 06 công trình, dự án)			5,04			5,04	674,90		
1	Mở rộng Trường Tiểu học Tân Hưng	Xã Tân Hưng	0,23			0,23	23,00 Ngân sách tỉnh, huyện chi GPMB		
2	Đường huyện 76 (Đường Thiện Trí - Thiện Trung)	Các xã: Thiện Trí, Thiện Trung	0,26			0,26	48,00 Ngân sách tỉnh		
3	Xây dựng mới 07 (cầu và cống) trên tuyến Đường tỉnh 863	Huyện Cái Bè	0,80			0,80	150,00 Ngân sách tỉnh		
4	Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, hạng mục: lộ gom	Các xã: An Thái Trung, Mỹ Đức Tây	2,21			2,21	400,00 Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh		
5	Trường THCS Hậu Thành	Xã Hậu Thành	0,04			0,04	28,90 Ngân sách tỉnh		
6	Mở rộng Trường TH Thị trấn Cái Bè	Thị trấn Cái Bè	1,50			1,50	25,00 Ngân sách tỉnh, huyện chi GPMB	Điều chỉnh lại tên công trình (bỏ chữ "B" so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	
V. Huyện Gò Công Đông (Có 07 công trình, dự án)			22,05		0,96	21,09	55,89		
1	Khu tái định cư dự án Đường tỉnh 864 (đường dọc sông Tiền)	Xã Phước Trung	0,12			0,12	Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh		
2	Khu tái định cư dự án Đường tỉnh 864 (đường dọc sông Tiền)	Xã Tăng Hòa	0,05			0,05	Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh		



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
3	Khu tái định cư dự án Đường tỉnh 864 (đường dọc sông Tiền)	Xã Tân Thành	0,15			0,15		Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	
4	Dự án Xử lý xói lở bờ biển Gò Công Đông (Xói lở bờ biển Gò Công Đông và xói lở bờ biển phía Nam khu du lịch Gò Công Đông)	Xã Tân Thành	9,42			9,42		Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	
5	Dự án Xử lý xói lở bờ biển Gò Công Đông (đoạn qua xã Kiềng Phước, Tân Điền)	Các xã: Tân Điền, Kiềng Phước	10,00			10,00		Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh	
6	Đường nối từ chợ đầu mối thủy sản Thị trấn Vàm Láng - đến ĐH 10	Thị trấn Vàm Láng	2,28		0,96	1,32	49,59	Ngân sách tỉnh	
7	Xây dựng mới cầu nối từ Đường huyện 10 vào đền thờ Trương Định	Xã Gia Thuận	0,03			0,03	6,30	Ngân sách tỉnh	
VI. Huyện Tân Phú Đông (Có 02 công trình, dự án)			9,53	1,83		7,70	194,39		
1	Đường tỉnh 877B đoạn từ đường vào Trung tâm hành chính huyện Tân Phú Đông đến đường Cây Đông xã Phú Tân	Các xã: Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Tân	0,61			0,61	61,74	Ngân sách tỉnh	Điều chỉnh lại tên dự án (bỏ cụm từ "Mở rộng") so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
2	Đường huyện 83, huyện Tân Phú Đông	Các xã: Tân Phú, Phú Thạnh, Phú Đông, Phú Tân	8,92	1,83		7,09	132,65	Ngân sách tỉnh	
19	Tổng số		44,54	1,83	0,96	41,75	2.940,08		
B. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			32,18	18,72		13,46	773,67		
I. Thành phố Mỹ Tho (Có 03 công trình, dự án)			0,42			0,42	13,00		
1	Đường Trần Văn Hiến (đoạn từ Nguyễn Thị Thập đến cầu Chùa)	Phường 10	0,35			0,35	8,50	Ngân sách thành phố	
2	Đường Đoàn Thị Nghiệp (đoạn từ ĐT 870B đến 870)	Các xã: Trung An, Phước Thạnh	0,02			0,02	2,50	Ngân sách thành phố	
3	Đường vào Ủy ban nhân dân phường 6	Phường 6	0,05			0,05	2,00	Ngân sách thành phố	
II. Thị xã Gò Công (Có 02 công trình, dự án)			10,36	6,04		4,32	350,00		
1	Trường mẫu giáo Bình Đông	Xã Bình Đông	0,06			0,06		Ngân sách thị xã	
2	Khu tái định cư Bình Đông	Xã Bình Đông	10,30	6,04		4,26	350,00	Ngân sách thị xã và nguồn vốn hợp pháp khác	Điều chỉnh nguồn vốn từ mời gọi đầu tư thành ngân sách thị xã và nguồn vốn hợp pháp khác so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
III. Thị xã Cai Lậy (Có 05 công trình, dự án)			11,10	7,51		3,59	198,00		
1	Khu tái định cư Mỹ Phước Tây	Xã Mỹ Phước Tây	6,06	6,06			120,00	Ngân sách thị xã	
2	Khu tái định cư cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây	Xã Mỹ Phước Tây	2,00	1,45		0,55	35,00	Ngân sách thị xã	
3	Khu dân cư Mỹ Lợi	Phường Nhị Mỹ	3,00			3,00	40,00	Ngân sách thị xã	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
4	Công trình Sửa chữa chợ Mỹ Hạnh Trung	Xã Mỹ Hạnh Trung	0,03			0,03	1,50	Ngân sách thị xã	Điều chỉnh lại tên công trình (bổ sung cụm từ "Công trình Sửa chữa") so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
5	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lậy	Phường 1	0,01			0,01	1,50	Ngân sách thị xã	
IV. Huyện Châu Thành (Có 01 công trình, dự án)			0,15			0,15	9,50		
1	Trụ sở công an xã Bàn Long	Xã Bàn Long	0,15			0,15	9,50	Ngân sách huyện	Điều chỉnh diện tích từ 0,10 ha thành 0,153 ha và tổng mức đầu tư từ 8,50 tỷ thành 9,50 tỷ so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
V. Huyện Tân Phước (Có 01 công trình, dự án)			0,50	0,50			3,00		
1	Mở rộng Trường Tiểu học Tân Hòa Thành	Xã Tân Hòa Thành	0,50	0,50			3,00	Ngân sách huyện	
VI. Huyện Cái Bè (Có 03 công trình, dự án)			1,59			1,59	48,45		
1	Mở rộng Chợ Cái Nửa	Xã Hậu Thành	0,55			0,55	23,00	Ngân sách huyện	
2	Khu tái định cư ấp An Ninh xã Đông Hòa Hiệp	Xã Đông Hòa Hiệp	1,02			1,02	25,00	Ngân sách huyện	
3	Nhà văn hóa ấp 4	Xã Tân Hưng	0,02			0,02	0,45	Ngân sách huyện	
VII. Huyện Chợ Gạo (Có 01 công trình, dự án)			1,00			1,00	18,00		
1	Trường Trung học cơ sở Bình Ninh (xây dựng mới)	Xã Bình Ninh	1,00			1,00	18,00	Ngân sách huyện	Điều chỉnh lại tổng mức đầu tư từ 50 tỷ thành 18 tỷ và từ nguồn vốn ngân sách tỉnh thành nguồn vốn ngân sách huyện so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
VIII. Huyện Gò Công Tây (Có 04 công trình, dự án)			7,06	4,67		2,39	133,72		
1	Đường huyện 15C	Xã Vĩnh Hựu	0,78	0,47		0,31	13,00	Ngân sách huyện	
2	Đường huyện 20	Các xã: Đồng Thạnh, Bình Nhi, Thạnh Nhứt	1,59	1,00		0,59	20,00	Ngân sách huyện	
3	Đường và cầu Nguyễn Hữu Trí	Thị trấn Vĩnh Bình	0,60	0,20		0,40	20,72	Ngân sách huyện	
4	Đường huyện 15 (đoạn 1+ đoạn 2)	Các xã: Yên Lương, Thạnh Trị, Vĩnh Hựu và thị trấn Vĩnh Bình	4,09	3,00		1,09	80,00	Ngân sách huyện	
20	Tổng số		32,18	18,72		13,46	773,67		
C. NHÓM CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ QUA NGÀNH, MỜI GỌI ĐẦU TƯ			112,47	38,50	1,75	72,22	1.006,00		
I. Thị xã Gò Công (Có 03 công trình, dự án)			92,57	32,82		59,75			
1	Khu đô thị Long Hưng	Xã Long Hưng	42,05	8,41		33,64		Mời gọi đầu tư	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích dự kiến thu hồi (ha)	Trong đó			Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
				Đất lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất khác			
2	Khu đô thị Gò Công Central	Xã Long Hưng	28,02	14,81		13,21		Mời gọi đầu tư	
3	Khu đô thị Tân Thành	Xã Long Hòa	22,50	9,60		12,90		Mời gọi đầu tư	
II. Thị xã Cai Lậy (Có 01 công trình, dự án)			4,24	3,12		1,12	133,00		
1	Dự án Xây mới chợ Tân Hội kết hợp khu dân cư	Xã Tân Hội	4,24	3,12		1,12	133,00	Mời gọi đầu tư	Điều chỉnh lại tên công trình (bổ sung cụm từ "Dự án Xây mới") so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
III. Huyện Châu Thành (Có 01 công trình, dự án)			9,90	2,56		7,34	473,00		
1	Khu dân cư nông thôn mới Vĩnh Kim (khu A)	Xã Vĩnh Kim	9,90	2,56		7,34	473,00	Mời gọi đầu tư	Điều chỉnh diện tích từ 10 ha (đất lúa 2,56 ha; đất khác 7,44 ha) thành 9,985 ha (đất lúa 2,56 ha; đất khác 7,335 ha) so với NQ số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2022
IV. Huyện Gò Công Đông (Có 01 công trình, dự án)			5,76		1,75	4,01	400,00		
1	Bến phà cao tốc Vàm Láng - Cần Giờ - Vũng Tàu và đường đàu nối từ bến phà đến "đường nối từ chợ đàu mới thùy sản Thị trấn Vàm Láng - đến ĐH 10"	Xã Kiềng Phước	5,76		1,75	4,01	400,00	Mời gọi đầu tư	
6	Tổng số		112,47	38,50	1,75	72,22	1.006,00		
45	TỔNG CỘNG		189,19	59,05	2,71	127,43	4.719,74		

H. TIẾN G.